| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2018/HC-PT
Ngày: 11/10/2018
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Mỹ

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Thanh Tấn
Bà Phạm Thị Liên Hiệp

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hồ Thị Mỹ Linh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân:*** Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11/10/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLHC-PT ngày 05 tháng 3 năm 2018, về Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2018 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 44/TB-TA ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện:*
- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1945
- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1949
Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn S: Luật sư Lê Phi T – Văn Phòng Luật sư C, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

*2. Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Đồng Tháp

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N – Chủ tịch UBND huyện T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện T: Ông Phan Văn T – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1929

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn P: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 19/6/2014).

Đối tượng bị khởi kiện: Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

(Ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Thị P, luật sư Lê Phi T, ông Nguyễn Văn L và ông Phan Văn T có mặt tại phiên tòa. Chủ tịch UBND huyện T có đơn đề nghị vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P có nội dung như sau:

Vào khoảng năm 1964 ông Nguyễn Văn C là cha ông S, mua của ông Nguyễn Văn L 30.000 $m^2$ đất ruộng tại xã P1, nay là xã P2.

Cách nay khoảng 40 năm ông C cho vợ chồng ông S 25 công đất trong diện tích đất nói trên. Năm 1967 ông C, ông P cùng ông nội ông có bàn bạc và thống nhất cho ông P đào kênh qua đất của ông C, chiều dài 363m, rộng 12m. Sau khi đào kênh phần bờ kênh bên đất ruộng của ông C, gia đình ông trồng rau, khoảng năm 1984-1985 nhà nước trưng dụng con kênh này làm đường

nước công cộng, do làm ăn không có hiệu quả nên khoảng năm 1996-1997 thì không sử dụng con kênh này, kênh dần dần bị bồi lắng, ông P sang lấp một phần đất của ông R và một phần đất của ông nội ông, còn phần kênh ở giữa đất của ông C (đã cho vợ chồng ông S) từ năm 1997 vợ chồng ông S bắt đầu san lấp đến năm 2006 thì canh tác lúa hai vụ mỗi năm cho đến nay.

Năm 2006 vợ chồng ông S đến Uỷ ban nhân dân xã P2 xin đăng ký quyền sử dụng đất thì được biết ông P đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi. Vợ chồng ông S khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã P2 giải quyết nhưng không thành. Ông S bà P khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T thì vào ngày 11 tháng 5 năm 2008 Tòa án trả đơn và hướng dẫn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện T, ngày 05 tháng 9 năm 2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 695/QĐ-UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của ông S. Sau khi nhận được quyết định trả lời khiếu nại, vợ chồng ông mới biết vào ngày 07 tháng 5 năm 1997 Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 1997 cho ông Nguyễn Văn P, trong đó có 4.366 $m^2$ đất của vợ chồng ông S.

Nay ông S, bà P yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 1997 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 695/QĐ - UBND ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, để cấp quyền sử dụng đất cho ông bà với diện tích 4.366 $m^2$ đất, hiện nay ông S bà P đang quản lý sử dụng theo biên bản đo đạc thực tế ngày 25/02/2013 diện tích là 2.989 $m^2$.

Theo các văn bản trình bày và hồ sơ cung cấp của Ủy ban nhân dân huyện T có nội dung như sau:

Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 1997 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P diện tích 14.950 $m^2$ tại thửa số 328, tờ bản đồ số 04, số vào sổ số: 00885.QSDĐ/A3 ngày 30 tháng 5 năm 1997 là phù hợp với quy định tại mục 2, phần II Quyết định số 201/QĐ-ĐKTK ngày 14 tháng 7 năm 1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất, đất cấp cho ông P đã thể hiện trên bản đồ địa chính, được ghi vào sổ địa chính, phù hợp với quy định tại điểm a, b Điều 3 phần II Thông tư số: 302/TT/ĐKTK ngày 28 tháng 11 năm 1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất và hướng dẫn thi hành Quyết định số: 201/QĐ-ĐKTK ngày 14 tháng 7 năm 1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất. Ông S, bà P cho rằng trong diện tích đất cấp cho ông Phủ có 4.366 $m^2$ đất phải cấp cho ông bà mới

đúng đối tượng nhưng không được cấp, do đó ông bà có đơn khiếu nại đến UBND huyện T. Vào ngày 05 tháng 9 năm 2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 695/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông S là đúng trình tự, thủ tục được quy định tại luật khiếu nại tố cáo năm 1998 sửa đổi, bổ sung năm 2004-2005 và Nghị định số 136/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Việc bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn S là có cơ sở vì: Đất của ông Nguyễn Văn P đã cải tạo và sử dụng liên tục từ năm 1967 đến khoảng năm 2000 vào mục đích đào kinh rửa phèn và khai thác cá tự nhiên.

Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 1997 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2011 là đúng quy định của pháp luật, phù hợp thực tế và mục đích sử dụng tại thời điểm cấp quyền sử dụng đất, nên không thống nhất theo yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P có ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước năm 1962 ông có đất ruộng tại ngọn Cả Góc xã P1, nay là xã P2, trong quá trình canh tác đất bị phèn, làm lúa không có hiệu quả, nên năm 1967 ông xin phép chế độ cũ đào một con kênh có chiều dài 1.500m ngang 12 m để rửa phèn và khai thác cá tự nhiên, khi đào đến đất của ông C (là cha ông S), ông C đồng ý cho đào qua đất diện tích khoảng 4.000 $m^2$. Đồng thời ông P mua của ông R hai khẩu đìa và ba công đất giáp với đất của ông C nên ông giao cho ông C sử dụng coi như đổi đất cho ông C.

Vào tháng 9 năm 2007 ông S tự ý san lấp con kênh của ông, ông ngăn cản khiếu nại thì ông S cũng có đơn yêu cầu gởi đến Ủy ban nhân dân xã P2 giải quyết nhưng không thành, diện tích đất 4.366 $m^2$ hiện nay ông S bà P đang sử dụng thuộc diện tích con kênh, nguồn gốc đất là của ông C. Ông C đã cho ông P đào kênh vào năm 1967, ông P sử dụng con kênh này từ năm 1967 cho đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông S, bà P trồng cây gáo và việc trồng cây này chỉ nhằm che bóng mát để làm ruộng là có sự đồng ý của ông P, năm 2000 đến năm 2005 thì san lấp đường nước là chỉ phát chặt cây sậy nhằm thông thoáng không cho chuột ẩn nấp phá lúa. Năm 2006 thì ông S, bà P mướn máy cày do em ông L làm chủ nhưng ông S, bà P thuê người lái máy thuê san lấp nên ông P không biết, sau khi biết thì ông Phủ đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã P2.

Do đó ông S, bà P đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện T. Việc ra Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 1997 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T là phù hợp.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 13/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện T:

- Căn cứ vào khoản 8, Điều 3, khoản 1, Điều 28, khoản 1, Điều 29 Luật Tố tụng hành chính.

- Các Điều 106, Điều 166 - Luật Đất Đai năm 2013.

- Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Mục II, III và IV Quyết định số 201/QĐ -ĐTK ngày 14 tháng 07 năm 1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất.

Tuyên xử:

1/ - Bác khiếu kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số: 09/QĐ-UBND Ngày 7/5/1997 của Uỷ ban nhân dân huyện T và hủy Quyết định số: 695/QĐ-UBND ngày 5/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

2/ - Về án phí: ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P phải nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số 008921 ngày 11 tháng 11 năm 2011.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 26/8/2014, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 13/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện T, yêu cầu hủy một phần Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07/5/1997 của UBND huyện T và Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của Chủ tịch UBND huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Ngọc M đại diện ông Nguyễn Văn S yêu cầu hủy một phần Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07/5/1997 của UBND

huyện T và rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của Chủ tịch UBND huyện T.

Luật sư Lê Phi T – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn S trình bày:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, hủy một phần Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07/5/1997 của UBND huyện T.

Ông Phan Văn T – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

Việc ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07/5/1997 của UBND huyện T là đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn P trình bày: Đề nghị giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 13/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, đơn kháng cáo là hợp lệ.

[3]. Về tố tụng: Chủ tịch UBND huyện T không có đơn kháng cáo và đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa, do đó Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[4]. Về nội dung: Xét Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Toà án nhân dân huyện T:

[4.1]. Về xác định thẩm quyền:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 và khoản 1 khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 xác định Quyết định số 09/QĐ-UBND và Quyết định số 695/QĐ-UBND là quyết định hành chính và Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị P là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 29 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 và Điều 30, Điều 31 Luật tố tụng hành chính 2015.

[4.2]. Về quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P yêu cầu hủy Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 1997 của UBND huyện T về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P và Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 hay khoản 1 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được coi là quyết định hành chính vì nó làm phát sinh, thay đổi, hạn chế hay chấm dứt quyền và lợi ích hợp pháp của một hoặc một số cá nhân. Do đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Nguyễn Văn P được cấp theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 07/5/1997 được xem là quyết định hành chính có liên quan. Tuy nhiên, khi giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông S bà P, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đến văn bản này là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 163 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 hay khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Thiếu sót này được xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án huyện T giải quyết lại theo đúng luật định.

[5]. Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên việc người khởi kiện rút yêu cầu đối với Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 của Chủ tịch UBND huyện T Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Do hủy bản án sơ thẩm nên ông S, bà P không phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2014/HC-ST ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Toà án nhân dân huyện T về việc Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai giữa người khởi kiện là ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P đối với người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện T để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 024223 ngày 27/8/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh;
- TAND huyện T;
- Cục THADS tỉnh;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, THC (L).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Mỹ**